

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **204/2017/HNGĐ-ST**

Ngày 30-8-2017

V/v xin ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Duyên Văn Hiền

2. Ông Nguyễn Trường Hận

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh H, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Lưu Quốc K, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18-4-2017 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Huỳnh H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H và ông Lưu Quốc K xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Khoảng năm 2007 thì bà H và ông K phát sinh mâu thuẫn do ông K bỏ nhà đi làm thuê và sống một mình, không chăm lo cho gia đình. Bà H và ông K đã sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà H và ông K có 05 người con chung là Lưu Yên N (nữ), sinh năm 1994, Lưu Kiều N1 (nữ), sinh năm 1995, Lưu Thảo A (nữ), sinh năm 1997, Lưu Dạ T (nữ), sinh ngày 15-9-2002 và Lưu Trang P (nữ), sinh ngày 24-12-2004. Cháu N, cháu N1 và cháu A đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T và cháu P, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Bà H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ngày 08-8-2017 thể hiện nguyện vọng của cháu Lưu Dạ T và Lưu Trang P đều mong muốn được sống với mẹ là bà H, vì mẹ chăm sóc hai cháu tốt và đảm bảo khả năng về kinh tế để lo cho hai cháu.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Lưu Quốc K đúng theo quy định pháp luật nhưng ông K không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Lưu Quốc K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng ông K.

[2] Về hôn nhân: Bà Huỳnh H và ông Lưu Quốc K xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1990 và có tổ chức lễ cưới. Tuy bà H và ông K xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống cho đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Đối với Lưu Yên N (nữ), sinh năm 1994, Lưu Kiều N1 (nữ), sinh năm 1995 và Lưu Thảo A (nữ), sinh năm 1997 đều đã trưởng thành, điều kiện phát triển về thể chất và khả năng nhận thức bình thường nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lưu Dạ T (nữ), sinh ngày 15-9-2002 và Lưu Trang P (nữ), sinh ngày 24-12-2004, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông K không có văn bản phản bác và cũng không đặt ra yêu cầu về quyền nuôi con. Hơn nữa, nguyện vọng của cháu T và cháu P là mong muốn được sống với bà H. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu T và cháu P cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà H không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông K không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Bà Huỳnh H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh H phải chịu án phí 300.000 đồng, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Huỳnh H và ông Lưu Quốc K là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lưu Dạ T (nữ), sinh ngày 15-9-2002 và Lưu Trang P (nữ), sinh ngày 24-12-2004 cho bà Huỳnh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Ông Lưu Quốc K không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh H phải chịu 300.000 đồng, ngày 01 tháng 6 năm 2017 đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0007012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Huỳnh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Lưu Quốc K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Minh Út